

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11-6-2020
V/v Xin ly hôn, giải quyết nuôi
con chung chia tài sản chung và nợ chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi.

- Các Hội thẩm: Ông Hoàng Văn Chung, bà Phạm Thị Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Quý Tạo, Kiểm sát viên.

Ngày 11/6/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc xin ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/QĐXXST- HNGĐ, ngày 21 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lý Văn T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lương Văn C, Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B. Địa chỉ: Khối phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh T1, Phó Giám đốc. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1. Ông Lý Văn T2, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lý Văn T2: Ông Lương Văn C, Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bà Lý Thị Y, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lý Văn T, sinh năm 1989, địa chỉ thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1993. Vắng mặt.

2. Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1961. Có mặt.

3. Ông Hoàng Văn U. Có mặt. Đều có địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

4. Ông Lâm Văn P, Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

5. Ông Lăng Văn C. Vắng mặt.

6. Ông Đàm Văn N. Vắng mặt. Đều có địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

7. Ông Vy Văn L. Vắng mặt.

8. Ông Vy Văn N. Vắng mặt. Đều có địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

9. Ông Hoàng Văn V, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

10. Ông Vương Văn N. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

11. Anh Hà Hùng D. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng chị Hoàng Thị L trình bày: Chị và anh Lý Văn T tìm hiểu và kết hôn năm 2008. Quá trình sống chung vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến năm 2018 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, do anh Lý Văn T tham gia cờ, bạc, đem tài sản gia đình đi cầm cố, chị đã khuyên bảo nhưng anh Lý Văn T không nghe. Thấy không còn tình cảm vợ chồng nữa, chị đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Lý Văn T. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung là cháu Lý Thị Hương Lan, sinh ngày 27/4/2010 và cháu Lý Thị Kim O, sinh ngày 07/5/2012, hiện nay các cháu đang ở với anh Lý Văn T, khi ly hôn chị yêu cầu anh Lý Văn T trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đồng cho cả 2 người con và được quyền thăm con chung. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản riêng của Hoàng Thị L gồm 01 máy cày, 01 tủ đứng 2 buồng, đồ dùng và chăn màn cá nhân, hiện nay các tài sản trên vẫn để ở nhà anh Lý Văn T. Về nợ chung của vợ chồng: Vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh phòng giao dịch huyện B số tiền 40.000.000đồng, nay còn nợ chưa trả, khi ly hôn hai vợ chồng trả mỗi người trả một nửa tiền nợ gốc và lãi.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng anh Lý Văn T trình bày: Anh và chị Hoàng Thị L tìm hiểu và kết hôn. Quá trình chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, đến đầu năm 2019 chị Hoàng Thị L tự ý bán 03 con trâu là tài sản chung của vợ chồng được 50.000.000đồng, nên hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị Hoàng Thị L bỏ về bên ngoại sông ly thân đến nay. Nay chị Hoàng Thị L yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý. Về con chung anh thừa nhận có 02 người con chung như chị Hoàng Thị L trình bày, khi ly hôn anh đồng ý trực tiếp nuôi cả 02 người con chung và yêu cầu chị Hoàng Thị L cấp dưỡng nuôi con mỗi người là 800.000đồng/tháng cho đến khi 2 người con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, hai vợ chồng có 04 con trâu, đã bán 01 con năm 2018 được 15.000.000đồng, 03 con bán 2019 được 50.000.000đồng. Tổng cộng là 65.000.000đồng, khi ly hôn anh yêu cầu chia số tiền này thành 4 phần cho anh, chị Hoàng Thị L, ông Lý Văn T và bà Lý Thị Y mỗi người được một phần. Tiền bán hoa hồi năm 2019 được 15.000.000đồng, tiền bán năm đò được 6.000.000đồng, chị Hoàng Thị L đã lấy về bên ngoại, đây là số tiền của bố anh là Lý Văn T2, khi ly hôn yêu cầu chị Hoàng Thị L trả lại cho ông Lý Văn T2. Về nợ chung của vợ chồng: Anh Lý Văn T thừa nhận vay Ngân hàng chính sách xã hội- Chi nhánh phòng giao dịch huyện B số tiền 40.000.000đồng, nay còn nợ chưa trả, khi ly hôn hai vợ chồng trả mỗi người trả một nửa.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng ông Lý Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày: Trong quá trình chung sống của vợ chồng anh Lý Văn T, chị Hoàng Thị L cùng gia đình ông. Năm 2019 ông cho chị Hoàng Thị L và anh Lý Văn T đi hái hoa hồi thuộc rừng hồi của riêng ông để anh Lý Văn T đem bán thu hàng ngày tính tổng cộng được 15.000.000đồng và đem tiền về giao cho chị Hoàng Thị L để trang trải sinh hoạt trong gia đình. Ngoài ra cũng trong năm 2019 ông trực tiếp đi hai năm đò đem bán các lần tổng cộng được 6.000.000đồng và đưa cho chị Hoàng Thị L để trang trải sinh hoạt gia đình, khi hai vợ chồng mâu thuẫn chị Hoàng Thị L đã lấy hết số tiền trên tổng cộng là 21.000.000đồng đem về bên ngoại, ông cho rằng đó là tài sản riêng của ông, nếu chị Hoàng Thị L ly hôn với con trai của ông là anh Lý Văn T, thì chị Hoàng Thị L phải trả lại cho ông số tiền 21.000.000đồng nêu trên. Ngoài khoản tiền trên năm 2018 chị Hoàng Thị L bán 01 con trâu, năm 2019 chị Hoàng Thị L bán tiếp 03 con trâu được tổng số tiền là 65.000.000đồng đem về bên ngoại, ông cho rằng là tài sản chung của gia đình, nên yêu cầu được chia 4 phần bằng nhau cho chị Hoàng Thị L, anh Lý Văn T và cho ông và vợ của ông là bà Lý Thị Y mỗi người một phần.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng bà Lý Thị Y là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày: Trong quá trình chung sống cùng gia đình, năm 2018 chị Hoàng Thị L bán 01 con trâu, năm 2019, chị Hoàng Thị L bán tiếp 03 con trâu được tổng số tiền là 65.000.000đồng đem về bên ngoại, bà cho rằng là tài sản chung của gia đình, nên yêu cầu được chia 4 phần bằng nhau cho chị Hoàng Thị L, anh Lý Văn T và cho bà và chồng bà là ông Lý Văn T.

Tại công văn số 22/NHCS-TD, ngày 19/02/2020 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B cho biết ngày 19/10/2019 vợ chồng anh Lý Văn T và chị Hoàng Thị L vay 40.000.000đồng, lãi suất 6,6%/năm, đến nay tiền gốc chưa trả 40.000.000đồng và tiền lãi, để bảo toàn vốn cho Nhà nước, đề nghị anh Lý Văn T và chị Hoàng Thị L trả nợ cho Ngân hàng.

Người làm chứng của bên nguyên đơn là ông Hoàng Văn K, các anh Hoàng Văn C, Đàm Văn N, Lý Văn T, Vy Văn L và Hoàng Văn V trình bày về việc tặng cho trâu sinh sản, những người mua trâu với anh Lý Văn T và chị Hoàng Thị L và trình bày việc vay tiền và trả nợ của anh Lý Văn T đầu năm 2019, ông Lăng Văn C, trình bày việc mua bộ cột nhà sàn với anh Lý Văn T. Tại phiên tòa các ông Lâm Văn P, Hoàng Văn U trình bày được mua bò với ông Hoàng Văn K năm 2012.

Người làm chứng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là các ông Vương Văn N, Hà Hùng D, Vy Văn N trình bày việc được mua nấm đỏ với ông Lý Văn T2 và được mua hoa hoi với anh Lý Văn T.

Ngày 19/5/2020 Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải, tại phiên hòa giải anh Lý Văn T và chị Hoàng Thị L đã thuận tình ly hôn, về con chung đã thống nhất giao 2 người con chung cho anh Lý Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng anh Lý Văn T yêu cầu chị Hoàng Thị L cấp dưỡng nuôi con với số tiền 700.000đồng/ 1 người con/ 1 tháng, các bên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng. Về tài sản chung các bên không thỏa thuận được việc xác định giá trị tài sản chung và cách chia, ông Lý Văn T2 là người có yêu cầu độc lập rút một phần yêu cầu chia giá trị trâu sinh sản, nhưng vẫn yêu cầu chị Hoàng Thị L phải trả lại khoản tiền bán hoa hoi và nấm đỏ. Về phần nợ chung của vợ chồng, các bên thỏa thuận mỗi người chịu trách nhiệm thanh toán một nửa. Về tài sản riêng của chị Hoàng Thị L, anh Lý Văn T thừa nhận anh đang quản lý tài sản riêng của chị Hoàng Thị L là 01 máy cày, 01 chiếc tủ quần áo cùng chăn, màn và đồ dùng cá nhân của chị Hoàng Thị L, sau ly hôn anh tự nguyện giao lại cho chị Hoàng Thị L các tài sản trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và không thỏa thuận được phương thức cấp dưỡng nuôi con chung, không thỏa thuận được việc xác định giá trị tài sản chung, tài sản riêng trong số trâu sinh sản và việc đòi lại tài sản của người có yêu cầu độc lập.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn, chấp nhận về yêu cầu của bị đơn là tăng mức cấp dưỡng và chia tài sản cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xem xét về yêu cầu đòi lại tài sản của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, xem xét miễn án phí theo quy định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự khi tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, nên không có kiến nghị gì;

Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các Điều 55, 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH13 ngày 13/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về nội dung, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, về án phí đề nghị Hội đồng xét xử, giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật có liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự không có ý kiến khiếu nại gì.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Lý Văn T kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 19/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết cho ly hôn: Tại phiên Hòa giải và tại phiên tòa giữa chị Hoàng Thị L và anh Lý Văn T thấy không còn tình cảm vợ chồng, nên đã thuận tình ly hôn, nên cần công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị Hoàng Thị L và anh Lý Văn T có 02 người con chung là cháu Lý Thị Lan H, sinh ngày 27/4/2010 và Lý Thị Kim O, sinh ngày 07/5/2012, hiện nay đang do anh Lý Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, tại phiên hòa giải các bên thỏa thuận giao cả 2 người con chung cho anh Lý Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa do không thỏa thuận được về mức đóng góp về cấp dưỡng, nên chị Hoàng Thị L yêu cầu được nuôi một người con chung để không bên nào phải chịu cấp dưỡng, Hội đồng xét xử thấy chị Hoàng Thị L sau khi ly thân đang ở nhờ và sống phụ thuộc gia đình bố, mẹ đẻ tại thôn K, xã Y, huyện B, đối với 02 người con chung đang ở ổn định với anh Lý Văn T tại thôn K, xã Q, huyện B đảm bảo về nơi ở, học tập và phù hợp với nguyện vọng của các cháu muốn ở cùng với người bố là anh Lý Văn T, nên cần căn cứ vào thực tế để giao 02 người con chung cho anh Lý Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và buộc chị Hoàng Thị L phải đóng góp cấp dưỡng là 400.000đồng trên một người con chung là phù hợp với nhu cầu tối thiểu của mỗi người con, đồng thời xem xét quyền thăm nom con chung của chị Hoàng Thị L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản là giá trị trâu đã bán các bên có tranh chấp là của chung, riêng cần xác định như sau: Năm 2008 anh Lý Văn T và chị Hoàng Thị L kết hôn, năm 2009 ông Hoàng Văn K tặng cho con gái là chị Hoàng Thị L 01 con bò sinh sản, năm 2012 sinh sản được 01 con bò, ông Hoàng Văn K đã bán 01 con bò được 12.000.000đồng đưa cho chị Hoàng Thị L để mua máy cày sử dụng

bên nhà chồng, cùng trong năm 2012 ông Hoàng Văn K bán con bò còn lại của chị Hoàng Thị L để chuyển đổi mua trâu cái sinh sản cho chị Hoàng Thị L và tiếp tục chăn nuôi hộ, người làm chứng tại phiên tòa là ông Hoàng Văn K cũng thừa nhận việc tặng cho riêng, ông Lâm Văn P và Hoàng Văn U cũng thừa nhận việc mua bán chuyển đổi thành trâu sinh sản nêu trên, đối với bị đơn là anh Lý Văn T cho rằng năm 2009 được góp 1.000.000đồng để mua bò sinh sản của chung vợ chồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, chị Hoàng Thị L không thừa nhận, ông Hoàng Văn K cho rằng chỉ tặng cho con gái chứ không mua bán, nên ý kiến của bị đơn không có căn cứ.

[6] Cuối năm 2015 chị Hoàng Thị L đem 01 con trâu mẹ sinh sản và 01 con trâu nghé cái mới sinh sản trong năm 2015 là tài sản riêng được bố mẹ để tặng cho đến nhà chồng là anh Lý Văn T để nuôi sinh sản và làm sức kéo. Quá trình chăn nuôi để sinh sản, năm 2016 sinh sản được 01 con trâu nghé đực, năm 2017 sinh sản 01 con nghé đực, năm 2018 sinh sản được 01 con trâu nghé cái. Do có nhu cầu mua xe máy để sử dụng chung vợ chồng, năm 2016 đã bán con trâu nghé cái theo mẹ ban đầu cho ông Lý Văn Thủy được 12.000.000đồng để mua xe máy sử dụng chung, do có nhu cầu trả nợ cho anh Lý Văn T vào tháng 01/2019 đã bán con trâu sinh sản năm 2017 cho ông Vy Văn L được 12.800.000đồng và bù khoản tiền khác để trả nợ cho ông Hoàng Văn K là bố đẻ của chị Hoàng Thị L số tiền 15.000.000đồng. Số trâu còn lại là 3 con gồm: Con trâu mẹ sinh sản và con trâu đực sinh sản năm 2016 và con trâu nghé cái sinh sản năm 2018. Các bên không thỏa thuận được việc xác định đâu là tài sản chung và đâu là tài sản riêng, công sức đóng góp từ công chăn dắt mà có và cách chia tài sản, ông Lý Văn T2 cho rằng kể từ khi chị Hoàng Thị L lấy trâu về nhà của ông là thành tài sản chung của cả gia đình nên yêu cầu được chia. Hội đồng xét xử thấy: Tài sản riêng của chị Hoàng Thị L là 02 mẹ con trâu chị mang đến nhà anh Lý Văn T để làm trâu sinh sản và sức kéo ban đầu, chưa nhập vào tài sản chung, nhưng năm 2016 chị đã tự nguyện bán con trâu nghé cái theo mẹ cho ông Lý Văn Thủy để mua xe máy sử dụng chung vợ chồng và anh Lý Văn T đã tự ý bán xe cho người khác, như vậy tính đến thời điểm bán trâu tháng 4/2019, tài sản riêng của chị chỉ còn con trâu mẹ ban đầu có giá trị lúc bán cho ông Hoàng Văn V là 24.000.000đồng. Tài sản chung của vợ chồng và bố mẹ chồng có công chăn dắt là các con trâu sinh sản các năm 2016, 2017 và 2018. Nhưng do có nhu cầu trả nợ cho anh Lý Văn T, nên tháng 01/2019 anh Lý Văn T và chị Hoàng Thị L đã tự nguyện bán con trâu đực sinh sản năm 2017 được 12.800.000đồng cho ông Vi Văn Lèn, như vậy giá trị tài sản chung đối với con trâu này không còn trên thực tế nữa. Tài sản chung của cả gia đình còn lại đến thời điểm tháng 4/2019 là con trâu đực sinh sản năm 2016 bán được 22.000.000đồng và con trâu nghé cái sinh sản năm 2018 bán được 4.000.000đồng. Tổng cộng giá trị tài sản chung là 2 con trâu sinh sản năm 2016 và 2018 là 26.000.000đồng cần được chấp nhận đem chia. Về yêu cầu được chia toàn bộ giá trị trâu khi bán đã bán qua các năm là 65.000.000đồng, tại phiên tòa anh Lý Văn T và ông Lý Văn T2 và anh Lý Văn T đại diện cho bà Lý Thị Y rút yêu cầu chia giá trị con trâu sinh sản năm 2017, còn yêu cầu đem giá trị 03 con

trâu bán tháng 4/2019 tổng cộng là 50.000.000đồng bao gồm cả giá trị của con trâu mẹ sinh sản là tài sản riêng của chị Hoàng Thị L là không có cơ sở cần bác một phần yêu cầu của anh Lý Văn T, ông Lý Văn T2 và bà Lý Thị Y vì không có căn cứ. Quyền lợi về trâu sinh sản cần xem xét chia cho 4 người là chị Hoàng Thị L, anh Lý Văn T, ông Lý Văn T2 và bà Lý Thị Y cụ thể chị Hoàng Thị L bán 02 con trâu sinh sản năm 2016 là 22.000.000đồng và con trâu sinh sản năm 2018 là 4.000.000đồng, tổng cộng số tiền trâu sinh sản chị Hoàng Thị L đang giữ là 26.000.000đồng các bên đều thừa nhận số tiền bán trâu này do chị Hoàng Thị L giữ cần được chia cho 4 người = 6.500.000đồng để buộc chị Hoàng Thị L phải thanh toán cho anh Lý Văn T là 6.500.000đồng, ông Lý Văn T2 là 6.500.000đồng và bà Lý Thị Y là 6.500.000đồng và phần của chị Hoàng Thị L được hưởng 6.500.000đồng là phù hợp với công sức đóng góp để hình thành tài sản chung.

[7] Đối với yêu cầu của ông Lý Văn T2 về việc đòi chị Hoàng Thị L trả lại số tiền bán hoa hồng và nấm đỏ, tổng cộng là 21.000.000đồng, Hội đồng xét xử thấy: Việc chị Hoàng Thị L khi còn sống chung với gia đình được nhận tiền trên để chi tiêu sinh hoạt của cả gia đình là có thật, nhưng không xác định được rõ số tiền đã nhận, xong chị cho rằng số tiền được nhận rất ít, ngoài ra do chị tự đi hái hoa hồng để bán lấy tiền chi tiêu cho gia đình và đã chi tiêu cho gia đình hết, nay ông Lý Văn T2 cho rằng, vì chị ly hôn với con ông nên ông mới đòi lại, thấy đây không phải là khoản tiền vay, mượn và đã được chi tiêu cho sinh hoạt gia đình, nên yêu cầu của ông Lý Văn T2 là không có căn cứ, cần bác yêu cầu.

[8] Đối với tài sản riêng của chị Hoàng Thị L là chiếc máy cày và các đồ dùng cá nhân, anh Lý Văn T cũng thừa nhận, các bên không có tranh chấp. Về tài sản chung, tại phiên tòa chị Hoàng Thị L có liệt kê hai vợ chồng có trồng được một rừng keo lai, san ủi được 01 nền nhà, làm được 01 bộ cột nhà anh Lý Văn T đã bán nhưng không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét trong vụ án này.

[9] Về nợ chung của vợ chồng: Năm 2019 vợ chồng chị Hoàng Thị L và anh Lý Văn T vay Ngân hàng chính sách xã hội – Chi nhánh Phòng giao dịch huyện B số tiền 40.000.000đồng, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa các bên thỏa thuận mỗi người chịu thanh toán một nửa nợ gốc và lãi tương ứng, nên cần công nhận sự thỏa thuận này.

[10] Về án phí: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự đều có đơn xin miễn án phí, thấy các đương sự đều là người dân tộc thiểu số, đang sinh sống tại các xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên miễn toàn bộ án phí cho các bên tham gia tố tụng.

[11] Lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự cơ bản có căn cứ, nên cần được chấp nhận một phần là phù hợp.

[12] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần xem xét để áp dụng trong việc giải quyết vụ án.

Đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 57, khoản 4 Điều 59, khoản 2 Điều 61, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, các điểm a, b khoản 1 Điều 24, khoản 6 Điều 26, các điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị L với anh Lý Văn T.

2. Về con chung: Giao 2 người con chung là cháu Lý Thị Lan H, sinh ngày 27/4/2010 và Lý Thị Kim O, sinh ngày 07/5/2012 cho anh Lý Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Buộc chị Hoàng Thị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 2 người con chung mỗi tháng là 400.000đồng (bốn trăm nghìn đồng) trên một người con, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian thực hiện từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị L được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải trả tiền chưa trả được thì còn phải trả lãi chậm trả ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản: Buộc chị Hoàng Thị L phải thanh toán giá trị trâu sinh sản cho anh Lý Văn T, ông Lý Văn T2 và bà Lý Thị Y mỗi người là 6.500.000đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải trả tiền chưa trả được thì còn phải trả lãi chậm trả ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đình chỉ một phần đối với yêu cầu được chia giá trị con trâu sinh sản năm 2017 có giá trị khi bán là 15.000.000đồng do anh Lý Văn T, ông Lý Văn T2 và bà Lý Thị Y rút yêu cầu.

- Bác yêu cầu của anh Lý Văn T, ông Lý Văn T2 và bà Lý Thị Y về việc đòi được chia giá trị con trâu cái mẹ sinh sản có giá khi bán là 24.000.000đồng là tài sản riêng của chị Hoàng Thị L vì không có căn cứ.

- Bác yêu cầu đòi lại số tiền 21.000.000đồng của ông Lý Văn T2 vì không có căn cứ pháp luật.

4. Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Hoàng Thị L và anh Lý Văn T về việc thanh toán nợ vay cho Ngân hàng chính sách xã hội – Chi nhánh Phòng giao dịch huyện B số tiền mỗi người là 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng) và lãi theo hợp đồng.

5. Về án phí: Miễn án phí cho chị Hoàng Thị L, anh Lý Văn T ông Lý Văn T2 và bà Lý Thị Y.

Trả lại cho chị Hoàng Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số AA/2015/000694 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị L, anh Lý Văn T, ông Lý Văn T2 có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B và bà Lý Thị Y vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 ,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- UBND xã Y nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ + Tổ HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Khởi

